

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2020/DS-PT

Ngày: 28-5-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng chuyển đổi
quyền sử dụng đất và tranh chấp bồi
thường thiệt hại về tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn

Các Thẩm phán: 1/ Ông Tô Chánh Trung.

2/ Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiển, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Nguyễn Trí Dũng, Kiểm sát viên
cao cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố
Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 612/2019/TLPT-
DS ngày 03/12/2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất
và tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản*”, giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1951

Địa chỉ: 97 ấp C, TT.D, H.D, tỉnh S.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Trần Văn T, sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: 131 H, khóm 6, P.6, Tp.S, tỉnh S.

Bị đơn: Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh S.

Địa chỉ: ấp Phước Hòa B, TT.D, H.D, tỉnh S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh Đ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân
dân huyện D (Có văn bản xin vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn N là nguyên đơn trong vụ án dân sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn và lời khai của phía nguyên đơn trình bày:

Trước năm 1975, ông Nguyễn Văn N đi bộ đội. Sau giải phóng, ông bị bệnh
nên được đơn vị cho ra quân, trở về địa phương an dưỡng và điều trị bệnh theo

chính sách của thương bệnh binh. Sau thời gian điều trị, sức khỏe dần hồi phục, ông tham gia công tác tại địa phương và được lãnh đạo phân công phụ trách công tác Đoàn của xã Y.

Vào năm 1977 được sự đồng ý của lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã Y là ông Nhâm Văn S, ông tự khai phá vùng đất bãi bồi, hoang hóa khu vực sông Bến Bạ có tứ cận: Hướng đông giáp rạch K, hướng Bắc giáp sông V, hướng Tây giáp rạch L, hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn C.

Tổng diện tích mà ông khai phá được khoảng 3.000m², ông làm bờ bao ngăn và trồng lúa được vài năm thì chuyển sang trồng mía.

Vào ngày 04/5/1982, lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã Y và lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện D, tỉnh S) có mời ông đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã để làm việc với nội dung là “Thỏa thuận trao đổi đất”, theo tinh thần của thỏa thuận, Ủy ban nhân dân huyện L sẽ đổi phần đất của ông Nguyễn Văn D cho ông Nguyễn Văn N và Ủy ban nhân dân huyện L nhận lại khoảng 3.000m² đất trồng mía của ông để cho Công ty H huyện L xây dựng lò đường. Còn phần hoa lợi trên đất (mía đã trồng được 06 tháng) thì Công ty H huyện L sẽ chịu trách nhiệm chi trả cho ông bằng tiền mặt, theo thời giá.

Ngay sau khi thỏa thuận, ông đã tích cực bàn giao đất cho Ủy ban nhân dân huyện L để xây lò đường. Nhưng về phần Ủy ban nhân dân huyện L thì lại không giao đất, cũng không chi trả phần hoa lợi trên đất cho ông như đã hứa. Ông có trực tiếp đến Ủy ban nhân dân xã Y và Ủy ban nhân dân huyện L (trước đây) rất nhiều lần để yêu cầu thực hiện việc giao đất và chi trả hoa lợi cho ông như thỏa thuận nhưng hai cơ quan cứ đổ lỗi cho nhau. Quá bức xúc nên ông đã khiếu nại nhiều nơi từ năm 1983 đến nay nhưng vẫn chưa được giải quyết.

Vùng đất của ông tự khai phá từ năm 1977 và trồng mía là vùng đất bãi bồi, hoang hóa được Nhà nước khuyến khích người dân khai hoang, phục hóa. Ủy ban nhân dân có thẩm quyền vận động ông hoán đổi đất và trả giá trị hoa lợi trên đất là trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận giữa đôi bên. Ông đã tích cực thực hiện như thỏa thuận nhưng cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chưa thực hiện thỏa thuận và để kéo dài hơn 30 năm nay là quá thiệt thòi cho ông. Phần đất mà Ủy ban nhân dân huyện L hứa đổi (của ông Nguyễn Văn D) thì lại cấp cho người khác. Còn phần đất của ông, sau khi giải thể lò đường, cơ quan có thẩm quyền không giao trả lại mà quyết định cấp cho người khác sử dụng (hiện phần đất này tọa lạc tại đường Đồng Khởi, ấp C, thị trấn D, huyện D, tỉnh S, đoạn từ nhà của ông Nguyễn Văn Đ đến nhà của ông Phan Văn K), tổng cộng 14 hộ dân như sau: Nguyễn Văn Đ, Lê Văn M, Nguyễn Văn H, Mã Thành R, Lê Văn C, Đặng Hoàng T, Trương Văn L,

Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H, Dương Văn A, Nguyễn Văn Phô, Phạm Kim N, Nguyễn Văn N, Phan Văn K.

Nay ông Nguyễn Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Ủy ban nhân dân huyện D phải có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện thỏa thuận trao đổi đất mà hai bên đã ký kết vào ngày 04/5/1982, đồng thời phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N số hoa lợi trên phần đất đã nhận khoảng 3.000m² để làm lộ đường tương đương số tiền là 15.000.000đồng.

Nếu như không thể giao đất để hoán đổi thì yêu cầu trả cho ông Nguyễn Văn N giá trị của phần đất có diện tích khoảng 3.000m² mà Ủy ban nhân dân huyện L (nay là Ủy ban nhân dân huyện D) đã nhận của ông trước đây để làm lộ đường, tọa lạc tại đường Đồng Khởi, ấp C, thị trấn D, huyện D, tỉnh S (đoạn từ nhà của ông Nguyễn Văn Đ đến nhà của ông Phan Văn K mà hiện có 14 hộ dân đang sử dụng như sau: Nguyễn Văn Đ, Lê Văn M, Nguyễn Văn H, Mã Thành R, Lê Văn C, Đặng Hoàng T, Trương Văn L, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H, Dương Văn A, Nguyễn Văn Phô, Phạm Kim N, Nguyễn Văn N, Phan Văn K) theo giá thị trường là 12.358.112.000đồng.

Ngoài ra ông N còn yêu cầu:

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là Ủy ban nhân dân huyện D) đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ, đối với thửa đất số 347, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp Phước Hòa B, xã Y, huyện L (nay là ấp C, thị trấn D, huyện D, tỉnh S).

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là Ủy ban nhân dân huyện D) đã cấp cho hộ ông Lê Văn C, đối với thửa đất số 260 và 501, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp Phước Hòa B, xã Y, huyện L (nay là ấp C, thị trấn D, huyện D, tỉnh S).

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là Ủy ban nhân dân huyện D) đã cấp cho hộ ông Trương Văn L, đối với thửa đất số 38 và thửa 261, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp Phước Hòa B, xã Y, huyện L (nay là ấp C, thị trấn D, huyện D, tỉnh S)

Sau đó phía ông N xin rút lại các yêu cầu sau:

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là Ủy ban nhân dân huyện D) đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ, đối với thửa đất số 347, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp Phước Hòa B, xã Y, huyện L (nay là ấp C, thị trấn D, huyện D, tỉnh S).

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là Ủy ban nhân dân huyện D) đã cấp cho hộ ông Lê Văn C, đối với thửa đất số 260

và 501, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp Phước Hòa B, xã Y, huyện L (nay là ấp C, thị trấn D, huyện D, tỉnh S).

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là Ủy ban nhân dân huyện D) đã cấp cho hộ ông Trương Văn L, đối với thửa đất số 38 và thửa 261, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp Phước Hòa B, xã Y, huyện L (nay là ấp C, thị trấn D, huyện D, tỉnh S).

Theo Văn bản và lời khai của phía bị đơn trình bày:

Qua xác minh thì Ủy ban xác định không có việc trao đổi đất hay mượn đất gì của ông N, Biên bản mà ông N cung cấp là bản photo không có giá pháp lý và những người có tên trong biên bản không đúng chức vụ tại thời điểm đó.

Trong Biên bản ghi ông Trần Văn D là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L là không đúng, vì năm 1982 ông Dũng là Giám đốc Công ty H, đến năm 1986 mới là Phó Chủ tịch huyện L. Ông Nguyễn Văn C1 trong biên bản là Phó Bí thư xã Y, nhưng thực tế tháng 4 năm 1982 ông C1 là Phó Chủ tịch phân phối lưu thông của xã. Ông Nguyễn Hữu P trong biên bản ghi là Chủ tịch xã Y, nhưng năm 1982 là Bí thư chi bộ ấp Đ. Ông Trần Văn T là người viết biên bản đúng chức vụ là Phó chủ tịch là đúng. Còn ông Trương Hoàng B lúc đó không phải Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân xã mà ông B được điều về làm Phó Giám đốc Nông trường huyện. Ủy ban căn cứ vào lý lịch đảng viên của những người có tên trong biên bản đã cung cấp trong hồ sơ.

Biên bản thỏa thuận trao đổi đất nhưng hai chủ thể là Ủy ban đổi đất và ông N cho đổi đất cũng không có ký tên. Còn ông Phó Chủ tịch xã và Chủ tịch xã chỉ là người chứng kiến thôi. Do đó ủy ban nhân dân huyện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ủy ban cũng có cơ sở xác định nguồn gốc phân đất trước năm 1954 là đất của địa chủ gọi là S (Q), trước năm 1954 ông H1 làm trên phần đất này đóng thuế lại cho địa chủ.

Sau năm 1960, phong trào đánh đổ địa chủ nên địa chủ S không xuống thu thuế nữa. Nhà nước cũng có chủ trương người canh tác trên đất địa chủ được công nhận đất luôn theo luật người cày có ruộng nên ông C quản lý sử dụng luôn.

Sau tiếp thu qua lời xác nhận của một số người lớn tuổi thì ông C có cho một số người nông dân mượn đất sản xuất, cụ thể như ông Phạm Văn C1, ông Nguyễn Văn T (hiện nay ở B, không rõ địa chỉ cụ thể), ông Nguyễn Văn N.

Từ năm 1975 đến 1980 những thửa đất đã có sản xuất sẵn thì sản xuất bình thường, việc ruồng lá, ruồng rừng thì không phải chủ trương của nhà nước, nên việc ông N cho rằng ông tự khai phá năm 1977 là không có cơ sở. do đó Ủy ban không

thừa nhận nguồn gốc đất này là của ông N và không thừa nhận biên bản trao đổi đất, phần đất này không có đưa vào tập đoàn sản xuất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 25/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh S, đã tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N về việc yêu cầu: Buộc Ủy ban nhân dân huyện D phải có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện thỏa thuận trao đổi đất mà hai bên đã ký kết vào ngày 04/5/1982, đồng thời phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N số hoa lợi trên phần đất đã nhận khoảng 3.000m² để làm lò đường tương đương số tiền là 15.000.000đồng, nếu không thể giao đất hoán đổi thì Ủy ban nhân dân huyện D phải trả giá trị phần đất có diện tích 3.000 m² theo giá thị trường là 12.358.112.000đồng.

2/ Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N về việc đòi hủy các giấy chứng nhận QSD đất sau:

2.1/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là Ủy ban nhân dân huyện D) đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ, đối với thửa đất số 347, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp Phước Hòa B, xã Y, huyện L (nay là ấp C, thị trấn D, huyện D, tỉnh S).

2.2/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là Ủy ban nhân dân huyện D) đã cấp cho hộ ông Lê Văn C, đối với thửa đất số 260 và 501, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp Phước Hòa B, xã Y, huyện L (nay là ấp C, thị trấn D, huyện D, tỉnh S).

2.3/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là Ủy ban nhân dân huyện D) đã cấp cho hộ ông Trương Văn L, đối với thửa đất số 38 và thửa 261, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp Phước Hòa B, xã Y, huyện L (nay là ấp C, thị trấn D, huyện D, tỉnh S)

3/ Về chi phí xem xét thẩm định: Ông Nguyễn Văn N phải chịu là 2.721.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 2.721.000đồng, theo phiếu thu số 01, ngày 11/01/2018 và phiếu thu số T07, ngày 18/6/2018, như vậy ông N đã thực hiện xong.

4/ Về chi phí định giá: Ông Nguyễn Văn N phải chịu là 33.000.000đồng, khấu trừ vào số tiền ông N đã nộp tạm ứng trước là 33.000.000đồng, theo phiếu thu số 23, ngày 26/02/2019, như vậy ông N đã thực hiện xong.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn N được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông N số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí DSST theo Biên lai thu số 0006133 ngày 13/6/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện D, tỉnh S.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến thời hạn và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019 ông Nguyễn Văn N làm đơn kháng cáo, nêu lý do:

Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, gây thiệt hại quyền lợi của gia đình ông, đề nghị phúc xử lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

Phía bị đơn có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp. HCM tham gia phiên tòa cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục theo luật định, tại phiên tòa những người tham gia tố tụng cũng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung giải quyết: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn N làm trong hạn luật định nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] Về quan hệ tranh chấp, đối tượng giải quyết và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ tranh chấp về “Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất”, mà cụ thể là hợp đồng hoán đổi diện tích đất tọa lạc tại K, huyện D, tỉnh S.

Quan hệ tranh chấp trên được pháp luật qui định tại các Điều, 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật đất đai và các Nghị định hướng dẫn luật đất đai.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật qui định tại Điều 26, Điều 37 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 32 Luật tố tụng Hành chính năm 2015.

[3] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của đương sự:

[3.1] Phía ông N cho rằng, năm 1977 có khai phá phần diện tích đất bãi bồi 3000m² làm bờ bao trồng lúa sau đó có trồng mía vào năm 1982, Ủy ban huyện L nay là huyện D có mời lên xã để làm việc và thỏa thuận với ông N về việc trao đổi đất, Ủy ban huyện L đồng ý đổi cho ông N phần đất của Ông Nguyễn Văn D và Ủy ban huyện L được nhận diện tích 3.000m² đất trồng mía của ông để cho Công ty H huyện L xây dựng lò đường, còn phần hoa lợi trên đất mía đã trồng được 6 tháng thì Công ty H huyện L sẽ chịu trách nhiệm chi trả cho ông bằng tiền mặt theo thời giá.

Sau khi thỏa thuận, ông N đã giao đất cho Ủy ban, nhưng phía Ủy ban lại không giao đất cho ông như đã thỏa thuận và cũng không trả hoa lợi cho ông, nên ông N yêu cầu phía Ủy ban phải tiếp tục thực hiện hợp đồng hoán đổi đất và bồi thường hoa màu cho ông số tiền 15.000.000đồng, nếu không tiếp tục thực hiện hợp đồng thì yêu cầu hoàn trả giá trị đất mà ông đã hoán đổi theo giá thị trường được tính là 12.358.112.000đồng.

Phía Ủy ban L xác định không có việc trao đổi đất hay mượn đất gì đối với ông N, nên không đồng ý yêu cầu trên của ông N.

Do không thống nhất nhau về các yêu cầu, nên hai bên đương sự đã phát sinh tranh chấp.

[3.2] Xét;

Theo hồ sơ thể hiện, lời khai của các bên đương sự gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan và đặc biệt là của những người làm chứng, có rất nhiều mâu thuẫn, trái ngược nhau.

Tòa án cấp sơ thẩm đã không thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng về việc đối chất, về việc điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, cụ thể:

Việc thỏa thuận trao đổi đất, ngoài Biên bản photo ngày 5/4/1982 do ông N cung cấp còn thể hiện ở nhiều sự kiện khác nhau.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào lý lịch đảng viên được thu thập từ Ban Tổ chức huyện ủy để xác định rằng thời điểm năm 1982 những người ký tên trong Biên bản thỏa thuận không phải ở những vị trí chức vụ ghi trong Biên bản là chưa phù hợp, vì để xác định chức vụ hành chính thì phải thực hiện việc thu thập, tài liệu, chứng cứ tại cơ quan quản lý hành chính nhà nước có thẩm quyền, mới bảo đảm tính khách quan và hợp pháp.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã không thu thập lời khai và thông tin của những người biết sự việc tại Ủy ban nhân dân xã Anh Thạnh 2, cũng như các tài

liệu có liên quan tới công việc của những người đã thực hiện việc lập Biên bản thỏa thuận trao đổi đất nêu trên, xác minh nội dung của những lời khai trên, gồm:

Tờ xác nhận ngày 09/3/2012 của ông Trương Hoàng B (nguyên Phó Chủ tịch UBND xã K) bản viết tay và Tờ xác nhận ngày 27/12/2012 của ông Nguyễn Hữu P (nguyên Chủ tịch UBND xã K) cũng bằng bản viết tay có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, nội dung đều xác nhận là có việc thỏa thuận trao đổi đất nêu trên.

Sau đó ông Phước, ông B lại thay đổi lời khai cho rằng việc xác định có thỏa thuận nêu trên là không đúng, có việc thay đổi lời khai, rút lại lời khai, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không xác minh làm rõ lý do vì sao lại có sự thay đổi nêu trên và làm rõ việc mâu thuẫn giữa các lời khai không bắt nhất với nhau, để từ đó xác định sự thật khách quan của vụ án.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 18/7/2018 của TAND huyện D, lời khai của ông Đặng Văn B, ông Diệp Thanh B, xác nhận ông N có sử dụng đất từ năm 1977-1979.

Theo ông Nguyễn Thanh L là tổ trưởng thu thuế của ấp lúc bấy giờ cũng có văn bản viết tay ngày 18/3/2012 xác định ông N có đóng thuế trong thời gian này.

Theo ông Trần Văn T (nguyên Phó Chủ tịch xã phụ trách nông nghiệp) có văn bản viết tay được Ủy ban xã xác nhận chữ ký ngày 18/9/2011, xác nhận có việc trao đổi đất giữa ông N và Ủy ban nhân dân huyện L (do ông Trần Văn D Phó chủ tịch huyện đại diện UBND huyện), Biên bản thỏa thuận đổi đất lập ngày 4/5/1982 do ông Tùng là người lập bằng viết tay.

Theo Tờ tường trình của ông Trần Minh C có xác nhận chữ ký của UBND xã K vào ngày 20/12/2012, nội dung là ông N có đến xã xin Văn bản chính về việc thỏa thuận đổi đất, trong đơn khiếu nại ngày 29/6/1986 của ông N về việc xin xem xét lại việc đổi đất, Ủy ban nhân dân xã đã có xác nhận là đúng nội dung nêu trên và xác nhận sự việc nêu trên là có, đồng thời kính chuyển Ủy ban nhân dân huyện giải quyết cho ông N.

Những tài liệu chứng cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã không thẩm tra, xem xét, đánh giá chứng cứ theo luật định là chưa khách quan, toàn diện.

Ngoài ra, nội dung khởi kiện có liên quan đến sự việc đổi đất để xây dựng lò đường, lò đường này là cơ sở sản xuất quốc doanh do cơ quan H huyện L quản lý. Tòa án cấp sơ thẩm đã không thu thập các tài liệu, chứng cứ, liên quan đến hồ sơ thành lập lò đường quốc doanh, tính chấp pháp lý của các tài sản liên quan đến diện tích đất tranh chấp, mà chỉ xác minh những lời khai chung chung của những người dân cư xung quanh là chưa chính xác, khách quan và thỏa đáng.

Tòa án cấp phúc thẩm không có điều kiện để thu thập, bổ sung chứng cứ, thẩm tra, xác minh theo luật định, do đó cần hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo qui định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại vụ án dân sự theo luật định.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do hủy bản án sơ thẩm, nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định.

Bởi các lẽ trên.

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/HC-ST ngày 25/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh S, chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân tỉnh S giải quyết theo quy định của pháp luật.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại vụ án dân sự theo luật định.

3/ Về án phí hành dân sự phúc thẩm: Ông N không phải chịu án phí DSPT.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại Tp. HCM.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh S.
- Tòa án nhân dân tỉnh S
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh S
- Các đương sự (Để thi hành).
- Lưu văn phòng; hồ sơ vụ án..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ HOÀNG TẤN